

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN – HÀM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội - Tháng 02 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

Số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm (sau đây gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2127/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BRIDGE AND TUNNEL ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: BRITEC.

Trụ sở chính của Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn – Hàm là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải – CTCP là: 7.650.000.000 đồng, chiếm 51% tổng giá trị vốn góp;
- Vốn của các cổ đông cá nhân là: 7.350.000.000 đồng chiếm 49% tổng giá trị vốn góp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Khánh Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Lê Văn Ký	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thanh Hà	Ủy viên
	Ông Nguyễn Công Tâm	Ủy viên
	Ông Đỗ Minh Dũng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Lê Văn Ký	Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 16/02/2016)
	Ông Trần Khánh Hà	Phó Giám đốc (Giám đốc từ ngày 16/02/2016)
	Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc
	Ông Lê Đông Hà	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Vũ	Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Ngô Nam Hà	Trưởng ban
	Ông Trần Trường Phi	Thành viên
	Bà Đào Thị Tuyết Mai	Thành viên
Kế toán Công ty	Bà Đào Thị Mai Phương	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016, theo văn bản số 4800/TEDI-HĐQT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải – CTCP về công tác cán bộ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm: thống nhất Ông Lê Văn Ký – Giám đốc Công ty Cổ phần TVTK Cầu lớn - Hàm nghỉ hưu theo chế độ, Ông Trần Khánh Hà – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc, chờ phiên họp Hội đồng Cổ đông năm 2016 có quyết định bổ nhiệm chính thức.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Trần Khánh Hà
Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Số: 115/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm (gọi tắt là “ Công ty”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Huy Thắng**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2015-137-1

Đỗ Thị Thu Hường**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1417-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.363.926.230	55.017.395.712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	5.304.643.533	4.851.462.412
1. Tiền	111		2.904.643.533	2.851.462.412
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.400.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.536.240.150	33.470.681.537
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	30.384.381.811	23.194.560.145
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	4.472.729.392	4.313.739.756
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	12.400.478.947	9.147.913.636
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.721.350.000)	(3.185.532.000)
III. Hàng tồn kho	140		13.523.042.547	16.695.251.763
1. Hàng tồn kho	141	5.05	13.523.042.547	16.695.251.763
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.627.436.412	4.676.918.477
I. Tài sản cố định	220		2.613.288.932	2.983.066.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	2.613.288.932	2.918.355.484
- Nguyên giá	222		11.328.830.892	11.328.830.892
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.715.541.960)	(8.410.475.408)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.07	-	64.710.877
- Nguyên giá	228		1.424.920.441	1.424.920.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.424.920.441)	(1.360.209.564)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.014.147.480	1.693.852.116
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.08	1.014.147.480	1.693.852.116
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.991.362.642	59.694.314.189

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.386.759.137	41.761.774.498
I. Nợ ngắn hạn	310		48.386.759.137	41.761.774.498
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.09	14.976.887.623	14.131.675.360
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	25.029.166.428	21.320.536.785
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.713.172.955	833.490.048
4. Phải trả người lao động	314		5.362.973.681	4.082.989.149
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	929.089.781	1.180.423.378
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		375.468.669	212.659.778
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.604.603.505	17.932.539.691
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	18.604.603.505	17.932.539.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	12.637.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	12.637.730.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.120.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	2.115.164.242
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.605.723.505	3.179.645.449
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.605.723.505	3.179.645.449
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.991.362.642	59.694.314.189

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập

Bùi Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai Phương

Giám đốc




Trần Khánh Hà



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		72.455.392.080	69.042.434.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		437.518.804	156.013.383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.01	72.017.873.276	68.886.421.573
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	56.277.632.942	52.388.455.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.740.240.334	16.497.965.750
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	118.528.471	135.884.056
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.04	11.236.796.363	12.295.395.634
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		4.621.972.442	4.338.454.172
11. Thu nhập khác	31		750.000	97.163.636
12. Chi phí khác	32		-	101.520.442
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		750.000	(4.356.806)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		4.622.722.442	4.334.097.366
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.06	1.016.998.937	1.154.451.917
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.605.723.505	3.179.645.449
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.07	2.783	2.516
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập


Bùi Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


Đào Thị Mai Phương



Trần Khánh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		75.939.099.760	78.655.308.033
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(36.426.137.464)	(41.000.836.459)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.674.858.233)	(26.520.086.500)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.261.488.284)	(1.280.489.607)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.288.340.044	4.355.491.481
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.507.146.373)	(14.764.153.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.357.809.450	(554.766.964)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.138.279.367)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	96.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.528.471	135.884.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		118.528.471	(906.031.675)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.120.000)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.022.036.800)	(2.129.457.893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.023.156.800)	(2.129.457.893)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		453.181.121	(3.590.256.532)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.851.462.412	8.441.718.944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.01	5.304.643.533	4.851.462.412

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Người lập

Bùi Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai Phương

Giám đốc



Trần Khánh Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2127/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BRIDGE AND TUNNEL ENGINEERING CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: BRITEC.

Trụ sở chính của Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm là 15.000.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải – CTCP là: 7.650.000.000 đồng, chiếm 51% tổng giá trị vốn góp;
- Vốn của các cổ đông cá nhân là: 7.350.000.000 đồng chiếm 49% tổng giá trị vốn góp.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107959 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn thiết kế các công trình cầu, hầm, giao thông đường bộ;
- Tư vấn, thiết kế cầu, hầm, giao thông đường bộ;
- Tư vấn giám sát thi công, thử tải, đánh giá chất lượng công trình giao thông;
- Khảo sát địa chất thủy văn, thiết kế thoát nước công trình;
- Thiết kế điện chiếu sáng công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Tư vấn đánh giá tác động môi trường của công trình trước và sau khi xây dựng;
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các thông tin trong lĩnh vực tư vấn xây dựng công trình giao thông (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Tư vấn về đấu thầu và hợp đồng kinh tế xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông;
- Thiết kế công trình cầu, hầm;
- Thiết kế công trình cầu đường;
- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công trình giao thông. Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35 KV;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn;
- Lập báo cáo đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Lập tổng mức đầu tư dự án, lập dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);
- Thẩm tra hồ sơ khảo sát, thẩm tra dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);
- Điều tra, phân tích, thu thập các số liệu phục vụ thiết kế các công trình tiện ích giao thông;
- Điều tra, thu thập các số liệu về quy hoạch, dân sinh, kinh tế-xã hội, các vấn đề liên quan đến giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, công nghiệp.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 7.04), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

79
TY
H
ÁI
NA
01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu với công ty mẹ và các thành viên trong cùng Tổng Công ty). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20-25
Máy móc và thiết bị	05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-07
Tài sản cố định khác	05-07

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và thực hiện trích khấu hao trong 04 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch tăng vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ kế toán khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2005 theo quyết định số 1942/QĐ - BGTVT ngày 20 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty thực hiện phân bổ lợi thế thương mại trong vòng 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với công ty Mẹ và các thành viên trong cùng Tổng Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản: Phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch ở doanh nghiệp. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty như sau: (theo phương án trong Nghị quyết số 33/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 03 năm 2015).

- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 735.502.891 đồng từ lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành trích 175.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 22% trên thu nhập tính thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

D. C. T. KIẾP ĐA H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (“Tổng Công ty”) và các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	82.338.242	176.810.014
Tiền gửi ngân hàng	2.822.305.291	2.674.652.398
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.188.491.675	2.661.379.390
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.477.641	3.862.362
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.492.175	6.548.206
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	621.083.843	1.874.085
- Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt	2.759.957	988.355
Các khoản tương đương tiền	2.400.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.400.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>5.304.643.533</u>	<u>4.851.462.412</u>

5.02 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ban QLDA đường liên cảng Cái mép - Thị vải	3.843.339.321	1.759.317.721
Tổng Công ty XDCT Giao thông 1	1.820.297.420	942.437.444
Khu QLGT đô thị số 1 TP Hồ chí minh	1.705.291.370	1.725.945.370
Ban QLDA Thăng Long	1.938.209.000	-
Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	1.807.141.814	1.289.875.850
Các đối tượng phải thu khác	19.270.102.886	17.476.983.760
Cộng	<u>30.384.381.811</u>	<u>23.194.560.145</u>
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan</i>		
- Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	1.807.141.814	1.289.875.850
- Công ty Cổ phần TVXD CTGT 2	-	830.349.000

Chi tiết tuổi nợ phải thu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tuổi nợ các khoản phải thu ngắn hạn		
- Dưới 1 năm	13.280.161.894	5.463.463.114
- Từ 1 đến 3 năm	5.449.479.411	8.349.528.348
- Trên 3 năm	11.654.740.506	9.381.568.683
Cộng	<u>30.384.381.811</u>	<u>23.194.560.145</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
TT nghiên cứu Công nghệ và Thiết bị Công nghệ	327.272.682	327.272.682
Công ty Tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ Địa chất	330.909.090	330.909.090
TT nghiên cứu Địa Kỹ thuật - ĐH Mỏ Địa chất	228.420.909	228.420.909
Công ty TVTK CTGT 497 (Công ty CP TV 6)	454.545.455	454.545.455
Công ty CP TVXD Công trình Giao thông 5	1.178.627.274	1.178.627.274
Ứng trước người bán khác	1.952.953.982	1.793.964.346
Cộng	<u>4.472.729.392</u>	<u>4.313.739.756</u>
<i>Trong đó: Ứng trước bên liên quan</i>		
- Công ty CP TVTK Kiểm định và Địa kỹ thuật	227.272.720	277.071.720
- Chi nhánh Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	43.230.908	43.230.908
- Công ty CP TVTK XD Giao thông Thủy	60.000.000	60.000.000
- Công ty CP TVXD Công trình Giao thông 5	1.178.627.274	1.178.627.274
- Công ty CP TVTK Giao thông Vận tải 4	-	38.090.909

5.04 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Tạm ứng nhân viên	11.870.931.000	-	8.380.995.000	-
- Bảo hiểm xã hội của nhận viên	71.227.452	-	117.996.049	-
- Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	-	-	41.448.516	-
- Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	135.000.000	-
- Phải thu khác	458.320.495	-	472.474.071	-
Tổng	<u>12.400.478.947</u>	-	<u>9.147.913.636</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.05 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.336.777	-	23.996.875	-
Công cụ, dụng cụ	745.579	-	6.453.813	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.488.960.191	-	16.664.801.075	-
Tổng	13.523.042.547	-	16.695.251.763	-

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất: 0 đồng

Giá trị hàng tồn kho thế chấp, cầm cố: 0 đồng

Chi tiết tuổi nợ các công trình dở dang:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tuổi dở dang các công trình		
- Dưới 1 năm	-	-
- Từ 1 đến 3 năm	13.488.960.191	16.664.801.075
- Trên 3 năm	-	-
Cộng	13.488.960.191	16.664.801.075



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.06 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.381.708.470	1.493.771.435	3.472.130.523	1.411.501.170	1.569.719.294	11.328.830.892
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.381.708.470	1.493.771.435	3.472.130.523	1.411.501.170	1.569.719.294	11.328.830.892
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2015	1.536.732.876	1.493.771.435	2.418.498.154	1.391.753.649	1.569.719.294	8.410.475.408
Tăng trong năm	133.812.714	-	162.611.338	8.642.500	-	305.066.552
Khấu hao trong năm	133.812.714	-	162.611.338	8.642.500	-	305.066.552
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.670.545.590	1.493.771.435	2.581.109.492	1.400.396.149	1.569.719.294	8.715.541.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	1.844.975.594	-	1.053.632.369	19.747.521	-	2.918.355.484
Tại ngày 31/12/2015	1.711.162.880	-	891.021.031	11.105.021	-	2.613.288.932

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.07 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2015	1.424.920.441	1.424.920.441
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	<u>1.424.920.441</u>	<u>1.424.920.441</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2015	1.360.209.564	1.360.209.564
Tăng trong năm	64.710.877	64.710.877
Khấu hao trong năm	64.710.877	64.710.877
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	<u>1.424.920.441</u>	<u>1.424.920.441</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	<u>64.710.877</u>	<u>64.710.877</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>

5.08 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Lợi thế thương mại (*)	665.194.392	1.328.194.392
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	348.953.088	365.657.724
Cộng	<u>1.014.147.480</u>	<u>1.693.852.116</u>

(*) Lợi thế thương mại không đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định vô hình được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn, thời gian phân bổ 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.09 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
TT nghiên cứu Công nghệ và Thiết bị Công nghiệp	5.337.552.623	5.337.552.623	4.559.144.442	4.559.144.442
Công ty Tư vấn TKCN và XD Mô ĐC	1.071.011.820	1.071.011.820	1.071.011.820	1.071.011.820
Công ty tư vấn XD 533	602.353.819	602.353.819	602.353.819	602.353.819
Công ty TVTK CTGT 497 (Công ty CP TV 6)	399.722.068	399.722.068	756.312.819	756.312.819
Công ty TNHH tư vấn và TK KG - VINA	1.412.616.546	1.412.616.546	1.412.616.546	1.412.616.546
Phải trả người bán khác	6.153.630.747	6.153.630.747	5.730.235.914	5.730.235.914
Tổng	14.976.887.623	14.976.887.623	14.131.675.360	14.131.675.360
<i>Trong đó: Phải trả bên liên quan</i>				
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	1.317.727.007	1.317.727.007	1.633.837.007	1.633.837.007
Công ty CP TVTK XDGT Thủy	613.718.001	613.718.001	137.834.001	137.834.001
Công ty CP TVXD CTGT 2	94.858.019	94.858.019	330.675.639	330.675.639
Công ty CP TVTK GT vận tải 4	-	-	90.909.091	90.909.091

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng công ty XD số 1 - TNHH MTV (CC1)	1.333.422.944	238.662.944
Ban QLDA công trình Văn hóa Sở VH TT&DL Ninh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Trung tâm tư vấn XD 80	1.380.495.225	1.380.495.225
Công ty TNHH Đầu tư Cam lộ - Tuý loan	1.092.960.500	-
Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	4.000.000.000	1.382.779.000
Khách hàng ứng trước khác	14.722.287.759	15.818.599.616
Cộng	25.029.166.428	21.320.536.785
<i>Trong đó: Bên liên quan ứng trước</i>		
- Tổng Công ty TVTK Giao thông vận tải - CTCP	4.000.000.000	1.382.779.000
- Công ty Cổ phần TVXD CTGT 2	61.064.000	61.064.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	433.518.726	5.118.246.201	3.890.245.002	1.661.519.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp	282.862.377	1.016.998.937	1.261.488.284	38.373.030
Thuế thu nhập cá nhân	117.108.945	398.576.161	502.405.106	13.280.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng:	833.490.048	6.536.821.299	5.657.138.392	1.713.172.955

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty TVTK GTVT - CTCP	355.006.300	560.313.978
Phải trả thu nhập HĐQT và BKS	223.000.000	72.910.000
Kinh phí Công đoàn	24.078.558	65.783.114
Bảo hiểm thất nghiệp	15.876.961	766.097
Nhập kho VPP, CCDC chưa trả tiền	18.239.545	-
Mua VPP, CCDC chưa có báo nợ của Ngân hàng	-	34.688.280
Người mua trả tiền nhằm	206.871.000	206.871.000
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam lộ Túy loan	-	200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	86.017.417	39.090.909
Cộng	929.089.781	1.180.423.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	12.637.730.000	-	1.190.216.765	787.694.477	2.745.054.308	-	17.360.695.550
Tăng trong năm	-	-	924.947.477	137.253.000	3.179.645.449	-	4.241.845.926
Bổ sung từ các quỹ	-	-	924.947.477	-	-	-	924.947.477
Trích lập từ LN sau thuế	-	-	-	137.253.000	-	-	137.253.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	3.179.645.449	-	3.179.645.449
Giảm trong năm	-	-	-	924.947.477	2.745.054.308	-	3.670.001.785
Kết chuyển các quỹ	-	-	-	924.947.477	-	-	924.947.477
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	2.129.457.505	-	2.129.457.505
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	137.253.000	-	137.253.000
Trích lập quỹ KT, PL, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	478.343.803	-	478.343.803
Số dư tại 31/12/2014	12.637.730.000	-	2.115.164.242	-	3.179.645.449	-	17.932.539.691
Số dư 01/01/2015	12.637.730.000	-	2.115.164.242	-	3.179.645.449	-	17.932.539.691
Tăng trong năm	2.362.270.000	-	-	-	3.605.723.505	-	5.967.993.505
Tăng vốn	2.362.270.000	-	-	-	-	-	2.362.270.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	3.605.723.505	-	3.605.723.505
Giảm trong năm	-	-	2.115.164.242	-	3.179.645.449	1.120.000	5.295.929.691
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.022.036.800	-	2.022.036.800
Giảm bổ sung vốn điều lệ	-	-	2.115.164.242	-	247.105.758	-	2.362.270.000
Trích lập quỹ KT, PL, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	910.502.891	-	910.502.891
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	1.120.000	1.120.000
Số dư tại 31/12/2015	15.000.000.000	-	-	-	3.605.723.505	(1.120.000)	18.604.603.505

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HÀM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty TVTK Giao thông Vận tải - CTCP	7.650.000.000	6.445.240.000
Vốn góp của cổ đông khác	7.350.000.000	6.192.490.000
Tổng	15.000.000.000	12.637.730.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.000.000.000	12.637.730.000
Vốn góp tại đầu năm	12.637.730.000	12.637.730.000
Vốn góp tăng trong năm	2.362.270.000	-
Vốn góp tại cuối năm	15.000.000.000	12.637.730.000
Lợi nhuận đã chia	3.179.645.449	2.745.054.308

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.263.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.263.773
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.263.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	112	-
Cổ phiếu phổ thông	112	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.888	1.263.773
Cổ phiếu phổ thông	1.499.888	1.263.773
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

đ. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	-	2.115.164.242



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn (*)	72.455.392.080	69.042.434.956
Các khoản giảm trừ doanh thu (*)	437.518.804	156.013.383
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.017.873.276	68.886.421.573
Cộng	72.017.873.276	68.886.421.573

(*): Trên Báo cáo kiểm toán năm 2014, các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận giảm trực tiếp vào doanh thu trong năm. Năm nay, kiểm toán viên thực hiện phân loại tách riêng khoản mục này.

6.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn	56.277.632.942	52.388.455.823
Cộng	56.277.632.942	52.388.455.823

6.03 Doanh thu tài chính tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	118.528.471	135.884.056
Cộng	118.528.471	135.884.056

6.04 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.831.773.381	3.669.576.606
Chi phí vật liệu quản lý	88.496.925	92.381.815
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.419.273	148.830.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.339.951.158	4.711.679.540
Chi phí khác bằng tiền	2.848.155.626	3.669.927.649
Cộng	11.236.796.363	12.295.395.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.05 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.371.239.914	5.184.070.353
Chi phí nhân công	27.369.809.865	26.211.261.469
Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.871.320.032	1.972.775.016
Chi phí khấu hao TSCĐ	369.777.429	554.590.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.650.614.893	13.545.140.871
Chi phí bằng tiền khác	3.342.162.261	5.947.633.090
Chi phí thuê phụ	11.363.664.027	16.809.152.002
Cộng	64.338.588.421	70.224.623.456

6.06 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.622.722.442	4.334.097.366
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	-	101.520.442
Các khoản điều chỉnh giảm của năm nay	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.622.722.442	4.435.617.808
Thuế TNDN phải nộp	1.016.998.937	1.154.451.917
<i>Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (22%)</i>	<i>1.016.998.937</i>	<i>975.835.917</i>
<i>Thuế TNDN của các năm trước theo thông báo thuế</i>		<i>178.616.000</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.605.723.505	3.179.645.449

6.07 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.605.723.505	3.179.645.449
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và trích lập các quỹ (VND)	3.605.723.505	3.179.645.449
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.295.471	1.263.773
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.783	2.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2016, theo văn bản số 4800/TEDI-HĐQT ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải – CTCP về công tác cán bộ của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu lớn - Hàm: thống nhất Ông Lê Văn Ký – Giám đốc Công ty Cổ phần TVTK Cầu lớn - Hàm nghỉ hưu theo chế độ, Ông Trần Khánh Hà – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc, chờ phiên họp Hội đồng Cổ đông năm 2016 có quyết định bổ nhiệm chính thức.

7.02 Thông tin về các bên liên quan

Thông tin về giao dịch với các bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP (Công ty Mẹ)

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Nhật Tân	-	-	18.494.850	-
Cầu Vĩnh tuy	-	1.000.000.000	-	-
Cầu Ngọc tháp	-	-	565.354.000	-
Cầu Đồng nai - Vòng xoay Amata - Tam hiệp	-	-	559.496.000	-
Dự án tư vấn nước ngoài	-	305.008.964	68.437.964	-
Đường CT Ninh bình Thanh hoá	-	727.207.000	-	-
Tiểu DA 2 - đường nối QL 1 mở rộng - Đốc xây - Thanh Hoá	-	1.000.000.000	-	-
Cầu Roon thuộc DA QL 1 qua tỉnh Hà Tĩnh - Quảng bình	-	181.000.000	181.000.000	-
Tiểu DA nút giao đường sắt với QL 1	-	2.475.902.000	-	-
Đường nối TP Hạ long với cầu Bạch đằng	-	-	(4.000.000.000)	-
Hầm đường bộ Phước Tượng - Phú gia QL 1A	-	2.071.796.000	414.359.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty TVTK GTVT - CTCP	-	-	-	(43.230.908)
Chi trả cổ tức	1.031.238.400	-	-	-
Chi hoạt động chung	2.011.740.750	-	-	355.006.300

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 2

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cẩm lương	-	-	-	94.858.019
Cầu Cửa Đại	-	-	(61.064.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông Thủy

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Tuyên tránh TT Mỏ cày - QL 60 Bến tre	-	-	-	(60.000.000)
Đường An Thới Cửa Lấp	475.884.000	-	-	613.718.001

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Kiểm định và Địa Kỹ thuật

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Vàng mừng, Khe lếch, Bắc công	-	-	-	7
Tuyên rào mắc nước sốt	-	-	-	(27.272.720)
DA tín dụng ngành GTVT	-	-	-	(200.000.000)
Cầu Tịnh Xuyên	-	-	-	984.038.000
Cầu Tuần Quán	360.000.000	-	-	-
Cầu Đông Thịnh (*)	2.303.353.636	-	-	333.689.000

(*) giá trị trên chưa bao gồm VAT

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông 5

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
Cầu Cửa Đại	-	-	-	(1.178.627.274)

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải 4

Đơn vị: VND

Vụ việc	Giao dịch năm 2015		Số dư 31/12/2015	
	Mua hàng/dịch vụ	Bán hàng/dịch vụ	Phải thu/ (nhận ứng trước)	Phải trả/ (ứng trước NCC)
DA tín dụng ngành GTVT	38.090.909	-	-	-

(*) giá trị trên chưa bao gồm VAT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Thông tin về lương và thù lao HĐQT, Ban điều hành, BKS

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2015	Năm 2014
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	2.212.583.000	2.356.310.000
Ban kiểm soát	Lương và thù lao	396.604.000	561.440.000

7.03 Thông tin về số lao động, quỹ lương người lao động và thu nhập bình quân

Nội dung	Năm 2015	Năm 2014
Tổng số lao động bình quân (người)	165	170
Quỹ lương người lao động (đồng)	27.369.809.865	26.211.261.469
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.823.136	12.848.658

7.04 Thông tin so sánh

Số dư tại ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International (nay là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens).

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 - theo QĐ 15			Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 - theo TT200			Ghi chú
Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm VND	Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm VND	
Các khoản phải thu khác	135	766.918.636	Phải thu ngắn hạn khác	136	9.147.913.636	Gộp số liệu theo Thông tư
Tài sản ngắn hạn khác	158	8.380.995.000				

Người lập

Bùi Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai Phương

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Trần Khánh Hà